

JOHN STEINBECK

CUỘC ĐỜI VÀ HÀNH TRÌNH VĂN CHƯƠNG

HOÀNG THỊ THẬP*

Nhà nghiên cứu Văn học Mỹ Lê Đình Cúc trong cuốn *Tác gia văn học Mỹ* (thế kỷ XVIII – XX) mở đầu bài viết về John Steinbeck bằng một nhận định: “Thật khó khăn khi viết về John Steinbeck. Con người nổi tiếng ấy lại “nổi tiếng” trên nhiều phương diện. Nhà văn, nhà thơ, nhà chính trị và kẻ xâm lược”⁽¹⁾. Thật vậy, không dễ khi viết về một người sáng tạo ra những tác phẩm văn chương giàu giá trị nhân văn, từng được nhận giải Nobel văn chương năm 1962, lại cho con trai sang tham chiến tại Việt Nam và bản thân cũng sang Việt Nam vào cuối năm 1966 đầu năm 1967 để tuyên truyền, cổ vũ cho hành động xâm lược của Mỹ (John Steinbeck đã bị rất nhiều nhà phê bình văn học và độc giả trên thế giới lên án hành động này và đòi tước bỏ giải thưởng Nobel văn chương đối với ông). Dẫu vậy, đã gần nửa thế kỷ trôi qua người ta vẫn không thể phủ nhận tài năng văn chương và những đóng góp của ông đối với văn học hiện đại thế kỷ XX. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi muốn cung cấp cho bạn đọc một số tư liệu cần thiết để chúng ta hiểu rõ hơn về con người – nhà văn này.

Nói tới John Steinbeck người ta liền tưởng ngay tới địa danh: Salinas thuộc bang California, địa danh đi liền với tên tuổi, sự nghiệp của ông. Thị trấn Salinas nằm giữa thung lũng con sông Salinas trù phú, nhìn ra biển Thái Bình Dương, cạnh dãy Gabilan kỳ vĩ, miền Đất hứa của người Mỹ đầu thế kỷ XX, là nơi nhà văn đã sinh trưởng, và sau đó được dùng làm bối cảnh cho hầu hết các tác phẩm của ông. Nơi đây, John Steinbeck biết đến cuộc sống của những con người mang dấu ấn nguyên thủy, bản năng trong một không gian thiên nhiên rộng lớn, cách xa thế giới văn minh, rất yên bình về bề ngoài nhưng dồn nén

* NCS. Đại học Thái Nguyên

những bi kịch bên trong. Cuộc sống ấy được mô tả trong *Đồng cỏ Thiên đường* (The Pasture of Heaven, 1932), *Con ngựa đỏ* (The Red Pony, 1937), *Thung lũng dài* (The Long Valley, 1938), *Phía đông thiên đường* (East of Heaven, 1952) ... Salinas cũng là nơi John Steinbeck biết đến cuộc sống của những người lang thang đủ các màu da, lai tạp chủng đến từ khắp các châu lục, những người sau này được tái hiện sinh động trong các phẩm *Tortilla Flat* (1935), *Phố hàng cá* (Cannery Row, 1945), *Thứ năm ngọt ngào* (Sweet Thursday, 1954). Ông cũng từng lang thang làm thuê trong các nông trại khắp vùng California, tham gia đình công cùng những công nhân nông nghiệp, nhập vào đoàn người di cư từ Oklahoma đến California, chứng kiến những biến động dữ dội của thế giới trong những năm 1930 - 1940 phản chiếu trong xã hội California... Tất cả những gì quan sát, cảm nhận từ cuộc đấu tranh khốc liệt để được tồn tại, để giữ gìn phẩm giá con người dẫu “bất phân thắng bại” đã được ông sử dụng để viết nên những tác phẩm để đời *Trong trận đánh bất phân thắng bại* (In Dubious Battle, 1936), *Cửa Chuột và Người* (Of Mice and Men, 1937), *Chùm nho phẫn nộ* (The Grapes of Wrath, 1939), những tác phẩm không chỉ phản ánh được những đề tài thời sự nóng bỏng mà còn chuyển tải được những vấn đề có tính vĩnh cửu của con người.

John Steinbeck (1902 -1968), sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, gốc Đức, cha là thủ quỹ ngân hàng thị trấn, mẹ là giáo viên ở một trường nhỏ. Được nuôi dưỡng rất đầy đủ trong nếp sống bình an, mực thước của giới tư sản thành thị nhưng Steinbeck lại ưa thích cuộc sống phóng khoáng, tự do của những người dân bản xứ. Tốt nghiệp trung học năm 1918, Steinbeck rời gia đình đi làm thuê trong các nông trại, thợ nề, làm đường... Năm sau, 1919, ông ghi tên theo học ngành Sinh vật học tại Đại học Stanford nhưng ông đã bỏ dở đại học khi chưa có được tấm bằng nhưng không hề nuối tiếc. Năm 1925, Steinbeck rời California đi New York để thực hiện ước mơ. Khởi đầu nghề viết lách bằng việc xin vào làm phóng viên cho Báo New York, ông cố gắng cho xuất bản một số truyện ngắn nhưng không thành công. Tuy vậy, ông cũng đã viết được câu chuyện của Henry Morgan tên tướng cướp biển kiêu hùng thế kỷ XVII, những tư liệu sau này ông đã sử dụng để viết tiểu thuyết đầu tiên: *Chén vàng* (Cup of Gold, 1929).

Trở về Salinas, Steinbeck xin làm chân gác vườn, trông coi một ngôi nhà lẻ loi trên núi, nhìn xuống hồ Tahoe tĩnh mịch, nơi ông viết *Chén vàng*. Ở tác phẩm này, với một chút lãng mạn, nhà văn đã tiểu thuyết hóa cuộc đời của tướng cướp biển Henry Morgan, nhân vật sau khi trở thành tướng cướp giàu có, quyền lực lại theo đuổi hình bóng hư ảo tuyệt trần của một người đàn bà để rồi vỡ mộng. *Chén vàng* được xuất bản nhưng không mấy thành công, tuy nhiên Steinbeck không nản, ông tiếp tục viết. Thời gian này ông gặp Carol Henning, người sau đó không lâu trở thành vợ và là người góp sức rất nhiều cho thành công trong sự nghiệp của ông những năm 1930.

Tiếp theo Chén vàng là tập truyện *Đồng cỏ Thiên đường* (1932), tác phẩm có sự tiến bộ so với cuốn sách trước. Steinbeck gọi tác phẩm này là tiểu thuyết nhưng đúng hơn nó là tập truyện viết về cuộc sống của những người trong thung lũng Las Praderas del Cielo, phụ cận Salinas. Mỗi chương là một câu chuyện độc lập. Mỗi liên hệ duy nhất giữa các câu chuyện là bối cảnh chung vùng Las Praderas del Cielo - Salinas. Chính cấu trúc này gợi sự cô đơn của những con người trong đó. Họ có chung niềm say mê đất đai, tình yêu máu thịt với thiên nhiên, cùng sống trong một vùng đất tươi đẹp như “vườn địa đàng” nhưng mỗi gia đình, thậm chí mỗi người như một ốc đảo, xa cách. Sau *Đồng cỏ Thiên đường* là tiểu thuyết *Gửi vị thần chưa biết* (1933), kể chuyện một chủ nông trại ở California thờ thần thiên nhiên đến mức bị ám ảnh, cuối cùng tự hiến mình cúng thần. Nhan đề của tác phẩm được lấy từ kinh Veda của Hindu giáo. Mỗi đoạn có điệp khúc: *Ai là đấng mà chúng ta dâng sự hy sinh?* Điểm yếu của tác phẩm là sự tán dương thần thiên nhiên rất dài dòng, tuy nhiên chính tác phẩm này bước đầu bộc lộ cái nhìn và cách thể hiện hài hước của tác giả sau đó được hiển lộ trong *Tortilla Flat*. Năm 1933, Covici, ông chủ của nhà xuất bản Covici – Friede, đến Chicago và tình cờ mua được cuốn *Đồng cỏ Thiên đường*. Ông ta rất thích cuốn sách nhưng không biết tác giả John Steinbeck là ai. Lần hỏi, ông ta được biết tác giả của cuốn sách vừa bị trả lại một bản thảo, đó chính là bản thảo cuốn *Tortilla Flat*. Covici – Friede đã có công trong việc ghi dấu thành công đầu tiên của Steinbeck trên văn đàn vào năm 1935. *Tortilla Flat* là sự kết hợp của một chút lãng mạn, sự hài hước và hiện thực. Steinbeck nói rằng: *“Tôi muốn mang câu chuyện thị trấn Monterey của tôi vào truyền thuyết, truyền thuyết King Arthur. Đó là một truyền thuyết hiện đại về những con người không nhà cửa, nghề nghiệp kiếm tìm tự do và sự hài lòng nơi “mảnh đất bị chúa bỏ quên”*⁽²⁾. Tất cả các nhân vật trong tiểu thuyết tuy được miêu tả với giọng điệu hài hước, điệu cợt nhưng không một chút khinh thị mà hoàn toàn cảm thông. Những con người vốn bị gọi một cách miệt thị là Paisanos (Paisano là từ chỉ loại người tạp chủng, lang thang ở California những năm đầu thế kỷ XX) hiện lên trong sự ưu ái của tác giả. Họ trộm cắp, uống rượu say sưa và làm tình... một cách tự nhiên vượt mọi khuôn phép. Họ là những kẻ kỳ quặc nhưng trong lối kể của nhà văn họ là Con người. *Tortilla Flat* được phát hành, đông đảo bạn đọc ưa thích nó nhưng các nhà phê bình thì không.

Sau khủng hoảng kinh tế, nước Mỹ những năm 1930 là những năm thực hành chính sách Kinh tế xã hội mới. Năm 1934, chính sách Kinh tế xã hội mới khiến cho hàng trăm nghìn gia đình nông dân bị mất ruộng đất. Cùng với đó là một trận hạn hán khắc nghiệt đã kéo dài ở các bang. Gió mạnh và những cơn bão cát đã tàn phá miền Nam khiến cho vùng này nổi danh là xứ bụi. Khoảng 800.000 người được mệnh danh là Okies (cách gọi khinh miệt dành cho những người di cư) di rời khỏi các bang Arkansas, Texas, Missouri, Oklahoma hướng về Miền đất hứa California. Dòng người di cư khổng lồ trở thành thảm cảnh khủng khiếp của nước Mỹ. California không phải là thiên đường. Ngay tại nơi

đây cũng đã thường xuyên diễn ra những cuộc đấu tranh khốc liệt giữa giai cấp chủ nhân và thợ thuyền, nói đúng hơn là cuộc đấu tranh giữa con người với con người để tồn tại trong một thế giới hiện đại đầy biến động. Cuốn *Trong trận đánh bất phân thắng bại* viết về cuộc đời công của những công nhân hái táo trong thung lũng vùng California. Có thể coi đây là tác phẩm tiêu biểu nhất của thời kỳ khủng hoảng kinh tế, của những tranh chấp xã hội. Steinbeck không phải là nhà chính trị, ông là nhà văn, tác phẩm của ông không phải là cuốn sách tuyên truyền tư tưởng mà là tác phẩm nghệ thuật. Hơn nữa ông đã tỏ rõ quan điểm của mình muốn “*thể hiện vấn đề vĩnh cửu của con người: cuộc chiến với chính bản thân anh ta*”. Ngay nhan đề và đề từ của tác phẩm cũng phần nào gợi mở cho ý tưởng này. *Trong trận đánh bất phân thắng bại* nguyên văn là “*In Dubious Battle*”, là cụm từ trong câu thơ đề từ của tác phẩm (đề từ của tác phẩm là chín câu thơ được trích trong trường ca *Thiên đường đã mất* (Paradise Lost) của John Milton), “*cuộc đấu tranh bất định trong những đồng bằng của thiên đường chống lại ngôi vị của chúa*”. Dụng tâm rõ ràng, kỹ thuật miêu tả khách quan với rất nhiều đối thoại (83 % số dòng là đối thoại), Steinbeck đã thể hiện nỗ lực của con người trong cuộc đấu tranh khốc liệt giữa thiện và ác trên cả hai bình diện xã hội và cá nhân trong một hoàn cảnh mới: xã hội hiện đại.

Năm 1937, *Cửa Chuột và Người* được xuất bản. Ngay từ khi mới được phát hành, tác phẩm đã được đón chào rất nồng nhiệt, thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu. Đối với phần đông độc giả, không chỉ ở Mỹ, tác phẩm quan trọng nhất của Steinbeck bao giờ cũng là *Chùm nho phần nọ* - tác phẩm mà hầu như sự thành công đã gắn liền với lịch sử nước Mỹ, nhưng với giới nghiên cứu phê bình thì tác phẩm đáng kể nhất, thành công nhất đưa nhà văn này vào các nhà văn hàng đầu của văn học hiện đại lại là *Cửa Chuột và Người*. Tác phẩm có dung lượng hơn 100 trang kể về hai công nhân nông trại làm thuê, lang thang, gán bó và nuôi chung mộng ước dành được tiền trong số tiền lương ít ỏi để mua một trại riêng nhưng không bao giờ trở thành hiện thực với một kết thúc bi thảm, ám ảnh người đọc. Kỹ thuật viết đậm bạc, không chau chuốt cầu kỳ, người kể chuyện hầu như không lui vào nội tâm nhân vật nhưng tâm lý vẫn hiển lộ rành rẽ qua đối thoại và hành động. Tác giả dành lời nói cuối cùng cho nhân vật và độc giả. Khi viết xong bản thảo, thể hiện dụng ý của mình, nhà văn đặt tên tác phẩm là *Mọi việc đã xảy ra như thế đó* (Something That Happened). Với nhan đề này, ông chỉ nhận mình là “*người kể chuyện kể lại một cách có ý thức câu chuyện đã xảy ra chứ không đưa ra một chỉ dẫn nào*”⁽³⁾. Tuy nhiên, Ed Ricketts đã gợi ý Steinbeck nên dùng ý từ câu thơ trong bài thơ *To a Mouse*, một bài thơ rất mực bi quan của Robert Burns (1759 – 1796), “*mọi kế hoạch cặn kẽ nhất của chuột và người thường đi đến thất bại*”⁽⁴⁾ (The best laid schemes o’ mice an’ men gang aft agley). Nhan đề cùng với diễn biến và kết thúc của tác phẩm gợi cho người đọc hiểu rằng chủ đích của tác giả không chỉ nhằm thể hiện tình trạng xã hội và tâm trạng bấp bênh của con người trong hoàn cảnh đó mà sử dụng hoàn cảnh và tâm trạng ấy làm điểm nhấn để nâng

nội dung tác phẩm lên bình diện cao hơn, bình diện thuần túy triết lý, một thứ triết lý bi quan. Với *Cửa Chuột và Người*, dường như Steinbeck đã thể hiện cảm nhận sâu sắc về thân phận con người trong thế giới hiện đại. Con người vừa đáng trọng trong nỗ lực vươn lên để giữ gìn phẩm giá, để tồn tại đúng nghĩa con người, vừa đáng thương bởi sự bất lực trước định mệnh.

Năm 1934, Steinbeck sống ở Pacific Grove, làm cộng tác viên cho *Thời báo California*. Tòa báo yêu cầu ông viết một thiên phóng sự về các nông dân miền Bão cát (Dust Bowl). Ông đã lên đường và, như trên đã nói, nhập vào dòng người di cư, sống và làm việc với họ. Thời gian này ông đã gặp và kết bạn với Tom Collin, một người di cư, đã giúp nhà văn rất nhiều, cũng là người Steinbeck cảm phục. Tom chính là người có tên trong lời đề tặng cuốn *Chùm nho phần nộ* (Steinbeck đề tặng vợ và Tom: To CAROL who willed it. To TOM who lived it). Suốt trong thời gian đó, Steinbeck đã viết một loạt phóng sự đăng trên *Thời báo California*. Những bài báo đó sau này được tập hợp lại và xuất bản vào năm 1936 dưới nhan đề *Dòng máu của họ đang sục sôi* (Their Blood is Strong). Đó là những tư liệu sống làm cơ sở cho *Chùm nho phần nộ* sau này. Trước khi có bản thảo *Chùm nho phần nộ*, Steinbeck đã hoàn thành một bản thảo khác khoảng 60 nghìn từ. Nhưng bản thân nhà văn cũng không hài lòng về nó và đưa cho Carol đọc, đọc xong bà nói: Anh hãy đốt nó đi. Steinbeck đã viết một tác phẩm khác, một “tác phẩm lớn” như ông muốn. Và, tác phẩm với tên *Chùm nho phần nộ*, nhan đề được lấy từ trong Kinh thánh theo gợi ý của Carol, đã hoàn thành bốn tháng sau đó và được xuất bản năm 1939. Sau khi xuất bản một năm, *Chùm nho phần nộ* được nhận giải Pulitzer. Đây cũng là tác phẩm đầu tiên nhà xuất bản uy tín Viking nhận in của Steinbeck. Từ đây cho đến năm 1975, 25 tác phẩm khác của ông đều do nhà xuất bản này ấn hành. Ở nhà xuất bản Viking, Steinbeck đã gặp được Elizabeth Otis, đại diện của ông ở nhà xuất bản, người trở thành bạn thân thiết với ông đến tận cuối đời. Hầu hết những bản thảo riêng tư cũng như công việc sáng tác ông đều viết thư trao đổi với bà.

Câu chuyện về hành trình của gia đình Joad trên con đường quốc lộ 66 chạy trốn cái chết nơi quê nhà, hướng về miền đất hứa California gần giống hành trình của người Israen trong Kinh thánh chạy trốn người Ai Cập về miền đất hứa Canaan. Tuy nhiên “miền đất Canaan đầy nho và mật ong”⁽⁵⁾ không có mặt trong *Chùm nho phần nộ*, không có thiên đường trong tác phẩm này, chỉ có ảo ảnh về thiên đường. Những nhân vật trong *Chùm nho phần nộ* thực hiện cuộc hành trình trong một không gian mờ mịt, khởi đầu là chạy trốn cái chết, kết thúc vẫn cái chết vẫn bủa vây. Đúng như Louis Owens đã nhận xét: “Các nhân vật như bị sập bẫy trong một mê cung không lối thoát”⁽⁶⁾. Thuật lại số phận bi thảm của những người nông dân, trại chủ nhỏ bị cùng kiệt bởi hệ thống ngân hàng và bởi khí hậu không tốt, đi về Miền tây và chỉ thấy một thiên đường đối trá sau một hành trình khủng khiếp, nhiều người đã ghép ông vào một hệ thống tư tưởng chính trị nào đó. Trước phản ứng cực đoan, ông nói rằng: “Nếu

tác phẩm đó trình bày một cách mãnh liệt những bất công và bênh vực cho những nạn nhân, không phải vì thế chúng có tính cách chính trị. Đơn giản, tôi chỉ muốn đề cao quyền sống của con người, chống lại tất cả những gì chống lại con người”⁽⁷⁾. Chùm nho phần nộ không đưa ra một giải pháp rõ rệt nào nhằm giải quyết vấn đề xã hội nhưng cuốn sách đã đấu tranh thật sự cho hạng người bị bỏ quên, đồng thời xác nhận đức chịu đựng, lòng can đảm và đề cao phẩm cách của con người.

Đại chiến II đang diễn ra, cảm thấy mình bị cô lập khỏi cuộc chiến, Steinbeck không tránh khỏi chán chường và có phần bế tắc. Ông thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, làm việc dài ngày trên biển cùng Ed Ricketts. Năm 1944, Steinbeck li dị Carol để kết hôn với diễn viên Gwyn Conger. Cuộc hôn nhân thứ hai tồn tại bốn năm, họ có hai con trai. Gwyn đề nghị li dị vào năm 1948. Trong thời gian Đại chiến II, năm tác phẩm của Steinbeck được xuất bản. *Làng bị bỏ quên* (The Forgotten Village, 1941), *Biển Cortez* (Sea of Cortez, 1941), *Trăng lặn* (The Moons is Down, 1942), *Thả bom* (Bombs Way, 1942), *Phố hàng cá* (Cannery Row, 1945). Cũng như một số nhà văn cùng thời như James Farrell, John Dos Passos, sau một số tác phẩm làm nên *Thời đại vàng son của tiểu thuyết Mỹ*, Steinbeck đã xuống dốc. Các tác phẩm được vừa kể trên không mấy thành công. *Trăng lặn* là câu chuyện kháng chiến chống phát xít Đức tại Nauy, một tác phẩm bị phê phán cả nội dung lẫn nghệ thuật. *Thả bom* là cuốn sách viết theo đề nghị của chính phủ. Khi Mỹ chính thức tham gia chiến tranh, Steinbeck muốn dùng tài văn chương phục vụ chính phủ. Ông được gợi ý viết một cuốn sách về công việc huấn luyện phi công chiến đấu. Mục đích chính trị, cuốn sách không một chút giá trị nghệ thuật. *Phố hàng cá* là cuốn sách gần như lặp lại đề tài và kỹ thuật của *Tortilla Flat*, trên một bối cảnh hiện thực chính xác, thị trấn du lịch biển Monterey. Sau chiến tranh, Steinbeck tiếp tục cho xuất bản một số tác phẩm. *Chuyến xe buýt lạc đường* (The Wayward Bus, 1947) thuật lại chuyến đi của một nhóm hành khách tình cờ cùng nhau đi trên một chuyến xe đến Mexico nhưng chiếc xe đã lạc đường trong mưa lũ trên cánh đồng mù mịt. Câu chuyện tượng trưng cho thế giới thu nhỏ của nước Mỹ hiện đại được nhìn qua nhóm hành khách tù túng trên chiếc xe chật trội. *Viên ngọc trai* (The Pearl, 1947), một kiểu ngụ ngôn (parable), kể lại chuyện một cặp vợ chồng dân chài nghèo Mexico luôn khao khát thay đổi được cuộc sống, khi tìm được một viên ngọc trai kỳ lạ, có giá trị lớn, thay vì được hạnh phúc, họ rơi vào khốn khổ, bất hạnh vì nó. Với nội dung tư tưởng như vậy, tác phẩm này đến nay, đầu thế kỷ XXI, nó vẫn là tác phẩm được giảng dạy trong trường trung học cơ sở ở hầu hết các bang trên đất Mỹ.

Năm 1948 Steinbeck sang Liên Xô, vừa với tư cách phóng viên vừa với tư cách du khách, cùng với nhiếp ảnh gia Robert Capa. Ông đi thăm thú nhiều nơi Moscow, Kiev, Tiflix, Batum ... Về Mỹ, ông cho xuất bản tập du kí không có tính chất chính trị nhan đề *Nhật kí ở Nga* (Russian Journal, 1948). Tập kí thể hiện cái nhìn khá khách quan của ông về Liên Xô (có lẽ bởi mục đích chuyến

đi này trong sáng chứ không mù quáng như chuyến đi sau này đến Việt Nam vào năm 1966-1967). Năm 1948 cũng là năm nhiều mất mát tình cảm đối với nhà văn. Cuộc hôn nhân thứ hai đổ vỡ để lại nhiều khổ sở. Ed Recketts người tri kỷ, người hướng đạo cho tư tưởng của ông bị chết vì tai nạn xe hơi thảm khốc. Steinbeck bị shock một thời gian. Cuộc gặp gỡ với Elaine Anderson Scott vào năm 1950 đã khiến cuộc sống nhà văn cân bằng trở lại. Cuộc hôn nhân này hạnh phúc trọn vẹn cho đến cuối đời.

Tuyệt tự (Burning Bright, 1950), một tác phẩm mà tác giả nói ở phần mở đầu là một tiểu thuyết kịch. Ông muốn tạo ra một thể loại mới, thể loại mà ông đã cố gắng thể hiện trước đó trong hai tác phẩm *Cửa Chuột và Người và Trăng lặn*. Nhìn chung, Steinbeck có những nỗ lực để tìm tòi, sáng tạo nhưng những tác phẩm vừa kể trên không đem lại cho sự nghiệp của ông giá trị mới. Phải đến năm 1952, năm tác phẩm *Phía đông thiên đường* được xuất bản thì tên tuổi của ông mới được chú ý trở lại. *Phía đông thiên đường* là một tác phẩm lớn, lớn về dung lượng (hơn 600 trang), lớn về sự đa phức của đề tài. Đây là tác phẩm mang nhiều cao vọng nhất của nhà văn.

Bùng lên bằng *Phía đông thiên đường* để rồi sau đó ngọn lửa sáng tạo của Steinbeck lụi dần, cho đến cuối đời hầu như ông không có được tác phẩm nào đáng kể. Với *Thứ năm ngọt ngào* (Sweet Thursday, 1954), Steinbeck một lần nữa lặp lại Tortilla Flat như đã từng lặp trong *Phố hàng cá. Triều đại phù du của hoàng đế Pippin IV* (The Short Reign of Pippin IV, 1957), là cuốn sách bị giới phê bình văn học Mỹ kịch liệt phê phán, chính nhà văn cũng nhận ra thất bại của mình. *Cuốn Mùa đông lo buồn của chúng ta* (Winter of our Discontent, 1961) cũng không có gì sáng sủa hơn. Steinbeck gần như cạn kiệt cảm hứng sáng tạo. Năm 1960, nhà văn muốn thực hiện một chuyến đi vòng quanh nước Mỹ để tạm thời thoát ra khỏi những bức bối của cuộc sống (người vợ thứ hai, đã li dị, cùng hai con trai thường gây phiền toái cho nhà văn). Ông mang theo chú chó yêu Charley đi qua gần khắp các bang và trở về với bản thảo cuốn *Ngao du cùng với Charley* (Travel with Charley), được xuất bản năm 1962. Cuốn sách gần như nhật ký ghi lại chuyến đi của ông. Trong đó ông đã viết “*tôi có một cảm tưởng thất bại*”. Sự nghiệp văn chương gần như chấm dứt. Với sự xuống dốc này, Steinbeck đã bị gọi là “*vì sao rụng*”⁽⁸⁾

Có lẽ trong cuộc đời của John Steinbeck bất ngờ lớn nhất là được nhận giải thưởng Nobel văn chương năm 1962, giữa lúc ông “*cảm thấy thất bại*”. Vào một sáng tháng 10 năm 1962, trong khi xem chương trình tin tức buổi sáng, ông vô cùng bất ngờ khi nghe công bố tên mình được nhận giải Nobel. Giới quan tâm đến văn học càng bất ngờ hơn nữa. Công luận chia làm hai phái. Nhiều người ca ngợi ông xứng đáng với giải thưởng đó nhưng rất nhiều người khác cho rằng ông không xứng. Những người không đồng ý với Viện hàn lâm Thụy Điển cho rằng, đối với sự nghiệp văn chương của Steinbeck thì giải thưởng đã đến chậm mười lăm năm, thời kỳ oanh liệt của ông đã qua rồi; rằng,

vào thời điểm này, 1962, John Dos Passos xứng đáng nhận giải thưởng hơn nhiều... Năm 1963, vợ chồng nhà văn thực hiện chuyến đi sang Châu Âu và một lần nữa đến Liên Xô. Tại Liên Xô ông đã có cuộc gặp gỡ với các nhà văn Nga. Đó là “một chuyến đi thoải mái” như ông nhận xét khi trở về Mỹ. Từ đây đến lúc qua đời Steinbeck chỉ viết thêm được cuốn duy nhất *Nước Mỹ và Người Mỹ* (America and Americans, 1966). Cuộc đời và sự nghiệp của John Steinbeck đến đây có thể xem là tương đối hoàn toàn nếu như không có một hành động mà nhiều người cho là điên rồ của nhà văn rất nhân văn này, đó là sang Việt Nam như đã nói ở trên.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Đình Cúc, *Tác gia văn học Mỹ (thế kỷ XVIII-XX)*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004. Tr. 707.
- 2, 3, 4, 5, 8, 11, 14, 15, 16, Steinbeck, Elaine and Robert Wallenstein, *Steinbeck: A Life in Letters*, Viking Press, New York, 1979. Tr. 122, 44, 97-98, 275, 64, 327, 132, 54, 371, 87.
- 6, Levant, Howard, *The Novel of Steinbeck*. University of Missouri Press, 1974. Tr. 125.
- 7, 8, 10, Hayashi, Tetsumaro (editor), *A New Study Guide to Steinbeck's Major Work, with Critical Explications*. Metuchen, N.J., & London, 1993. Tr. 154, 46, 236.
- 12, 17, Trần Thiện Đạo, *Cửa sổ văn chương thế giới*. Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003. Tr. 252, 255.
- 13, Parini, Jay, *John Steinbeck – A Biography*. Henry Holt and Company, New York, 1996. Tr. 471.